TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-ST
Ngày 19-10-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Kỳ Trung.
Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2023/TLST-DS ngày 14/6/2023 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1952, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.
- Bà Phan Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ: Khu phố C, phường D, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.
- Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

Bị đơn: Ông Phan Văn Nh, sinh năm 1948, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị C, sinh năm 1964, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn TR trình bày: Cha ông là cụ Phan Văn Biện (đã chết năm 2016), mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Nghị (đã chết năm 2001). Cha mẹ ông có 05 người con ruột,

không có con riêng, không có con nuôi, gồm: Ông Phan Văn Nh, ông Phan Văn TR, bà Phan Thị C, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Đ. Khi cha mẹ ông còn sống có thừa hưởng của ông bà tài sản là quyền sử dụng đất tại khu phố Gia Tân và khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng. Cha mẹ chết không để lại di chúc. Tài sản cha mẹ chết để lại gồm:

- Phần đất thứ nhất: Diện tích 3.485,1m^2, tọa lạc tại khu phố Gia Tân, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng. Sau khi cha mẹ ông chết thì các anh chị em đã thống nhất chuyển nhượng cho ông TR Văn He, bà Hà Thị Nhía, thủ tục chuyển nhượng chưa xong thì xảy ra tranh chấp, ông Nh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và đã được Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

- Phần đất thứ hai: Diện tích 1.448,1m^2, tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng. Trong vụ án ông Nh tranh chấp tài sản thừa kế do anh chị em thỏa thuận tự giải quyết nên ông Nh đã rút lại yêu cầu đối với phần đất này nhưng sau khi thực hiện thủ tục tách thành 05 thửa đất thì xảy ra tranh chấp do ông Nh không đồng ý thực hiện theo ý kiến của các anh chị em còn lại.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại cho 05 đồng thừa kế của cha mẹ ông, tài sản yêu cầu chia là quyền sử dụng đất diện tích 1.448,1m^2, tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng và 02 căn nhà tường cấp 4, lợp ngói xưa trên đất. Các tài sản khác gắn liền với đất, cây trồng trên đất ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông TR.

* *Nguyên đơn bà Phan Thị Đ thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của ông TR.

* *Nguyên đơn bà Phan Thị C thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của ông TR.

* *Bị đơn ông TR Văn Nh trình bày:* Về tài sản thừa kế và hàng thừa kế theo nguyên đơn trình bày là đúng. Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn do đối với diện tích đất 3.485,1m^2, tọa lạc tại khu phố Gia Tân, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng ông không thống nhất với anh chị em để chuyển nhượng cho ông He, bà Nhía nên ông không đồng ý nhận tiền theo bản án sơ, phúc thẩm của Tòa án. Đối với diện tích đất còn lại là 1.448,1m^2, tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng. Ông yêu cầu được hưởng 900m^2 và 02 căn nhà ngói xưa; diện tích đất còn lại chia đều cho các anh chị em khác. Các tài sản khác gắn liền với đất, cây trồng trên đất ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Vụ án không có vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn TR, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Đ tranh chấp về thừa kế tài sản với ông Phan Văn Nh.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn Biện và cụ Nguyễn Thị Nghị theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất 1.448,1m^2 tại các thửa 297, 298, 299, 300, 301, tờ bản đồ 29 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 02 căn nhà tường cấp 4, ngói xưa trên đất cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Biện, cụ Nghị gồm: Ông Phan Văn Nh, ông Phan Văn TR, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Đ và bà Phan Thị C.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bà Phan Thị Đ, bà Phan Thị C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Xét thấy:

- Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phan Văn Biện, đã chết năm 2016, cụ Nguyễn Thị Nghị, chết năm 2001. Thời hiệu tính theo Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm, ngày mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì tính từ ngày 10/9/1990. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Biện, cụ Nghị vẫn còn.

- Về hàng thừa kế: Cụ Biện và cụ Nghị có tổng cộng 05 người con, gồm: Ông Phan Văn Nh, ông Phan Văn TR, bà Phan Thị C, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Đ. Cụ Biện, cụ Nghị không có con riêng, không có con nuôi. Như vậy, hàng thừa kế của cụ Biện và cụ Nghị gồm ông Nh, ông TR, bà L, bà C và bà Đ.

- Về xác định di sản:

+ Diện tích đất tranh chấp 1.448,1m^2 tại các thửa 297, 298, 299, 300, 301, tờ bản đồ 29 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 02 căn nhà tường cấp 4, ngói xưa diện tích (8,6m x 9m) + (5,5m x 9m), đất do cụ Phan Văn Biện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cấp ngày 08/12/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01904, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đang giữ.

+ Hiện trạng sử dụng đất: Các đương sự khóa cửa cổng và cửa nhà, không ai quản lý, sử dụng. Các tài sản khác trên đất các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên các đương sự đều thống nhất là di sản thừa kế của cụ Biện, cụ Nghị chết để lại. Vào năm 2022, ông Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Biện và cụ Nghị chết để lại nhưng sau đó các đương sự đã thống nhất thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 1.448,1m^2 và tài sản gắn liền với đất, tuy nhiên đến năm 2023, ông Nh thay đổi ý kiến nên không thỏa thuận giải quyết được.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ Biện, cụ Nghị chết để lại chưa chia được xác định là quyền sử dụng đất diện tích 1.448,1m^2 tại các thửa 297, 298, 299, 300, 301, tờ bản đồ 29 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và căn nhà tường cấp 4, ngói xưa diện tích (8,6m x 9m) + (5,5m x 9m). Các tài sản khác gắn liền với đất các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ trên xét thấy yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của các nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nh đề nghị cộng phần đất 3.485,1m^2, tọa lạc tại khu phố Gia Tân và phần đất 1.448,1m^2 tọa lạc tại khu phố Lộc Trát để chia cho ông được hưởng 900m^2 đất tại khu phố Lộc Trát là không có cơ sở, bởi vì diện tích đất 3.485,1m^2, tọa lạc tại khu phố Gia Tân đã được Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xét xử sơ thẩm tại bản án số 27/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm tại bản án số 177/2022/DS-PT ngày 24/8/2022. Do bản án đã có hiệu lực pháp luật nên yêu cầu của ông Nh không được chấp nhận.

Chia di sản thừa kế của cụ Biện và cụ Nghị như sau: Quyền sử dụng đất 1.448,1m^2 trị giá 4.187.885.000 đồng, 02 căn nhà tường trị giá 122.966.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thừa kế là 4.310.851.000 đồng. Được chia cho 05 người thừa kế, mỗi người được hưởng phần tài sản trị giá 862.170.000 đồng.

Diện tích đất 1.448,1m^2 đã được tách thành các thửa 297, 298, 299, 300, 301. Hai căn nhà tường cấp 4, lợp ngói xưa được xây dựng trên thửa 298, 299, hai căn nhà dính liền nhau, không thể tách rời. Xét về nhu cầu nhà ở thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Biện và cụ Nghị đều đã có nhà ở riêng. Ngoài ra, giữa ông TR, bà L, bà C và bà Đ đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt với ông Nh. Do vậy, để đảm bảo việc sử dụng đất và việc thi hành án cần tuyên giao cho ông TR được quyền sử dụng thửa đất 298, 299 và sở hữu nhà trên đất; giao bà L được quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 297, bà Đ được quyền sử dụng thửa đất 301, bà C được quyền sử dụng thửa đất 300. Các đương sự phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho nhau.

Cụ thể, ông TR được chia tài sản trị giá 1.802.053.000 đồng, thanh toán số tiền chênh lệch 939.883.000 đồng (thanh toán cho bà L 32.170.000 đồng, thanh toán cho bà C 78.442.000 đồng, thanh toán cho ông Nh 829.271.000 đồng); Bà L được chia tài sản trị giá 830.000.000 đồng, được ông TR thanh toán số tiền chênh lệch là 32.170.000 đồng; bà C được chia tài sản trị giá 783.728.000 đồng, được ông TR thanh toán số tiền chênh lệch là 78.442.000 đồng; Bà Đ được chia tài sản trị giá 895.069.000 đồng, thanh toán số tiền chênh lệch cho ông Nh 32.899.000 đồng.

[2.2] Các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất nên cần được ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông TR, bà L, ông Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà C và bà Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế là 862.170.000 đồng.

[4] Chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng, ông TR, bà L và bà Đ nhận chịu và đã nộp đủ nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của ông Phan Văn TR, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Đ đối với ông Phan Văn Nh.

Chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn Biện và cụ Nguyễn Thị Nghị chết để lại như sau:

1.1. Ông Phan Văn TR được quyền sử dụng diện tích đất 580,6m^2, gồm các thửa 289, 299, tờ bản đồ số 29 (BĐ 2005), loại đất: 160m^2 ODT (Đất ở đô thị) + 420,6m^2 CLN (Đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận: Đông giáp đất chia cho bà C dài 34,19m, tây giáp đất chia cho bà L dài 34,89m, nam giáp Đ đất dài 0,73m + đất ông Phan Văn Hiếu dài 7,59m + 1,82m + 6,54m, bắc giáp Đ đất dài 8,30m + 8,30m. (Có sơ đồ kèm theo). Ông Phan Văn TR được quyền sở hữu 02 căn nhà tường cấp 4, ngói xưa diện tích 77,4m^2 và 49,5m^2.

1.2. Bà Phan Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 287m^2, thửa 297, tờ bản đồ số 29 (BĐ 2005), loại đất: 80m^2 ODT (Đất ở đô thị) + 207m^2 CLN

(Đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận: Đông giáp đất chia cho ông TR dài 34,89m, tây giáp thửa đất số 72 dài 32,36m, nam giáp Đ đất dài 9,02m, bắc giáp Đ đất dài 8,31m. (Có sơ đồ kèm theo).

1.3. Bà Phan Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất 309,5m^2, thửa 301, tờ bản đồ số 29 (BĐ 2005), loại đất: 80m^2 ODT (Đất ở đô thị) + 229,5m^2 CLN (Đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 70 dài 29,72m, tây giáp đất chia cho bà C dài 32,36m, nam giáp đất ông Phan Văn Hiểu dài 11,98m, bắc giáp Đ đất dài 8,30m. (Có sơ đồ kèm theo).

1.4. Bà Phan Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 271m^2, thửa 300, tờ bản đồ số 29 (BĐ 2005), loại đất: 80m^2 ODT (Đất ở đô thị) + 191m^2 CLN (Đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận: Đông giáp đất chia cho bà Đ dài 32,36m, tây giáp đất chia cho ông TR dài 34,19m, nam giáp đất ông Phan Văn Hiểu dài 8,30m, bắc giáp Đ đất dài 8,30m. (Có sơ đồ kèm theo).

1.5. Các đương sự phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch như sau:

- Ông Phan Văn TR có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Phan Văn Nh số tiền 829.271.000 (Tám trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

- Bà Phan Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Phan Văn Nh số tiền 32.899.000 (Ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

- Ông Phan Văn TR có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Phan Thị L số tiền 32.170.000 (Ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Ông Phan Văn TR có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Phan Thị C số tiền 78.442.000 (Bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

1.6. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản khác gắn liền với đất.

2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01904, Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cấp cho cụ Phan Văn Biện đứng tên ngày 08/12/2006, để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo nội dung bản án đã tuyên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Văn Nh, ông Phan Văn TR, bà Phan Thị L.

- Bà Phan Thị Đ phải chịu 37.860.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Đ đã nộp là 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Bà Đ còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.860.000 (Hai mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Bà Phan Thị C phải chịu 37.860.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận bà Phan Thị L, ông Phan Văn TR, bà Phan Thị Đ nhận chịu chung số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng. Ông TR, bà L, bà Đ đã nộp đủ và thanh toán xong.

5. Quyền kháng cáo.

- Ông TR, ông Nh, bà L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Đ, bà C được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND TX. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tài

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC ÁP LÊN BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH



Ông Trần, bà Lập, Đường tranh chấp với ông Nhen
thửa 297, 298, 299, 300, 301 bản đồ 29 (BĐ 2005)

Kp Lộc Trát, phường Gia Lộc
Diện tích:1448.1m2
Loại đất :ODT:400m2+CLN

Ghi chú:
Ranh hiện trạng: _____
Ranh bản đồ: .....

Ngày 13 tháng 7 năm 2023
Người vẽ

Nguyễn Thanh Hoàng

Ngày 13 tháng 7 năm 2023
GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH - CHI NHÁNH TRẢNG BÀNG

Hoàng Văn Phúc